

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Toàn diện 2013

Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Toàn diện 2013 là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế theo nhu cầu riêng của Quý khách với quyền lợi bảo hiểm đa dạng, quyền lợi đầu tư an toàn và phương thức đóng phí bảo hiểm chủ động, linh hoạt.



An tâm về tài chính lâu dài
cho bản thân và gia đình



Tùy chọn các Quyền lợi Bảo hiểm
Gia tăng ưu việt theo nhu cầu riêng



Kế hoạch tích lũy tài chính lâu dài
và ổn định cho bản thân và gia đình



Chủ động kế hoạch đóng phí bảo hiểm
một cách linh hoạt và phù hợp
với điều kiện tài chính

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.

Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

☎ (84-28) 3827 8989

🎧 *8123 hoặc (84-28) 3827 8123

📠 (84-28) 3821 9000

✉ chubblife.vietnam@chubb.com

🏠 <http://life.chubb.com/vn>

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	NGUYỄN A	NAM	08/10/1993	26	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 1	NGUYỄN A	NAM	08/10/1993	26	2

II. THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA

STT	Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Toàn diện 2013 - Lựa chọn A	NDBH	Điều kiện bảo hiểm (*)	Mệnh giá bảo hiểm (MGBH) (đồng)	Tuổi đáo hạn NDBH	Phí bảo hiểm (BH) cơ bản (đồng) (**)
1	QLBH Cơ bản	1	S/S	300.000.000	99	3.960.000
2	QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng	1	S/S	500.000.000	65	1.650.000
3	QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng	1	S/S	200.000	65	434.000
4	QLBH theo mức độ cho bệnh nan y	1	S/S	200.000.000	75	2.220.000
5	QLBH hỗ trợ tài chính toàn diện điều trị ung thư	1	S/S	300.000.000	75	2.070.000

Phí BH cơ bản:	10.334.000 đồng	Tổng cộng:	10.334.000
Phí BH dự kiến đóng năm đầu:	11.000.000 đồng		
Phí BH dự kiến đóng theo kỳ:	11.000.000 đồng	Định kỳ đóng phí:	Năm

Ghi chú:
(*) Điều kiện bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
(**) Phí BH cơ bản là phí BH tối thiểu mà BMBH phải đóng cho mỗi năm trong 02 Năm hợp đồng đầu tiên.

GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Quyền lợi Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm chi trả (đồng)
Người được Bảo hiểm 1		
QLBH Cơ bản (*)	Tử vong	Giá trị lớn hơn giữa 300.000.000 hoặc Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD)
QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng	Chấn thương hoặc tàn tật do tai nạn	% của 500.000.000 tùy theo tỷ lệ thương tật
	Tử vong do Tai nạn khi đang du lịch nước ngoài do công ty du lịch của Việt Nam tổ chức	1.500.000.000
	Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên Phương tiện giao thông công cộng	1.000.000.000
	Tử vong do tai nạn	500.000.000
QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng	Nằm viện điều trị	- 200.000/ Ngày nằm viện do bệnh - 300.000/ Ngày nằm viện do tai nạn - 400.000/ Ngày nằm viện điều trị tại Khoa hồi sức tích cực Và, nhận thêm lên đến 4.000.000 đồng nếu có Phẫu thuật
QLBH theo mức độ cho bệnh nan y	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 1	60.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 2	120.000.000 + Miễn khấu trừ Phí BH rủi ro của QLBH này
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 3	200.000.000
QLBH hỗ trợ tài chính toàn diện điều trị ung thư	Mắc bệnh Ung thư biểu mô tại chỗ	150.000.000
		30.000.000 cho phẫu thuật điều trị ung thư
		3.000.000/ đợt xạ trị hoặc hóa trị
	Mắc bệnh Ung thư đe dọa tính mạng	300.000.000
		150.000.000 (khoản hỗ trợ giảm thu nhập)
		30.000.000 cho phẫu thuật điều trị ung thư
		3.000.000/ đợt xạ trị hoặc hóa trị

(*) Lưu ý: Trường hợp NDBH 1 nhỏ hơn 4 tuổi, QLBH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi NDBH được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.

III. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

- 1. Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH) đáo hạn:** Chubb Life sẽ chi trả Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHĐ) vào Ngày đáo hạn HĐBH nếu HĐBH còn hiệu lực vào Ngày đáo hạn.
- 2. Quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung (Quỹ LKC):** BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ LKC. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.
- 3. Tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại:** BMBH có thể yêu cầu tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại sau khi HĐBH có hiệu lực một (01) năm và có Giá trị Hoàn lại. Chubb Life sẽ áp dụng Phí tạm ứng trên các khoản tạm ứng. Phí tạm ứng được xác định bằng tích số của lãi suất tạm ứng, Khoản tạm ứng và thời gian tạm ứng. Lãi suất tạm ứng tối đa bằng lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ cộng với 6% hoặc 150% của lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ, giá trị nào lớn hơn sẽ được áp dụng.
- 4. Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng:** BMBH có thể rút tiền mặt từ GTTKHĐ sau khi HĐBH có hiệu lực một (01) năm và có Giá trị Hoàn lại. Sau khi BMBH rút một phần GTTKHĐ, MGBH của QLBH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản tiền mặt đã rút. BMBH phải chịu khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ, được xác định theo tỷ lệ phần trăm của Phí chấm dứt hợp đồng tương ứng với khoản tiền rút ra (Phí rút một phần GTTKHĐ).

IV. BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT													Đơn vị tính: nghìn đồng	
Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ LKC	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM			LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM			Rút tiền mặt
				Khoản Khấu trừ trong năm HĐ	GTTKHD	Giá trị Hoàn lại	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	GTTKHD	Giá trị Hoàn lại	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	GTTKHD	Giá trị Hoàn lại	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	
1	27	11.000	4.116	1.960	2.279	-	300.000	2.341	-	300.000	2.403	-	300.000	-
2	28	11.000	8.300	2.213	8.743	-	300.000	8.996	-	300.000	9.252	-	300.000	-
3	29	11.000	9.125	2.262	16.272	5.938	300.000	16.875	6.541	300.000	17.491	7.157	300.000	-
4	30	11.000	9.917	2.300	24.890	14.556	300.000	26.031	15.697	300.000	27.210	16.876	300.000	-
5	31	11.000	10.192	2.356	34.078	23.744	300.000	35.967	25.633	300.000	37.943	27.609	300.000	-
6	32	11.000	10.460	2.429	43.407	35.139	300.000	46.710	38.443	300.000	49.751	41.484	300.000	-
7	33	11.000	10.615	2.513	53.089	46.888	300.000	58.177	51.977	300.000	62.588	56.388	300.000	-
8	34	11.000	10.615	2.631	62.947	58.813	300.000	70.227	66.093	300.000	76.353	72.220	300.000	-
9	35	11.000	10.615	2.763	72.961	70.894	300.000	82.857	80.790	300.000	91.075	89.008	300.000	-
10	36	11.000	10.615	2.900	83.136	83.136	300.000	96.111	96.111	300.000	106.844	106.844	300.000	-
11	37	11.000	10.615	3.087	92.506	92.506	300.000	109.976	109.976	300.000	123.697	123.697	300.000	-
12	38	11.000	10.615	3.271	101.882	101.882	300.000	124.517	124.517	300.000	141.760	141.760	300.000	-
13	39	11.000	10.615	3.447	111.263	111.263	300.000	139.745	139.745	300.000	161.082	161.082	300.000	-
14	40	11.000	10.615	3.617	120.660	120.660	300.000	155.730	155.730	300.000	181.806	181.806	300.000	-
15	41	11.000	10.615	3.807	130.052	130.052	300.000	172.502	172.502	300.000	204.030	204.030	300.000	-
16	42	11.000	10.615	4.003	139.442	139.442	300.000	190.136	190.136	300.000	227.926	227.926	300.000	-
20	46	-	-	5.347	130.934	130.934	300.000	219.504	219.504	300.000	289.596	289.596	300.000	-
25	51	-	-	7.070	110.871	110.871	300.000	260.341	260.341	300.000	392.426	392.426	392.426	-
30	56	-	-	10.260	76.789	76.789	300.000	308.203	308.203	308.203	535.414	535.414	535.414	-
35	61	-	-	16.566	12.744	12.744	300.000	354.027	354.027	354.027	725.577	725.577	725.577	-
36	62	-	-	HĐ chấm dứt hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0				361.863	361.863	361.863	770.184	770.184	770.184	-
40	66	-	-					386.865	386.865	386.865	975.251	975.251	975.251	-

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT											Đơn vị tính: nghìn đồng			
Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ LKC	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM			LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM			Rút tiền mặt
				Khoản Khấu trừ trong năm HĐ	GTTKHD	Giá trị Hoàn lại	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	GTTKHD	Giá trị Hoàn lại	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	GTTKHD	Giá trị Hoàn lại	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	
45	71	-	-					374.541	374.541	374.541	1.283.415	1.283.415	1.283.415	-
50	76	-	-					307.412	307.412	307.412	1.681.283	1.681.283	1.681.283	-
55	81	-	-					409.707	409.707	409.707	2.469.043	2.469.043	2.469.043	-
60	86	-	-					546.710	546.710	546.710	3.627.528	3.627.528	3.627.528	-
65	91	-	-					729.993	729.993	729.993	5.329.318	5.329.318	5.329.318	-
70	96	-	-					975.306	975.306	975.306	7.830.333	7.830.333	7.830.333	-
73	99	-	-					1.160.804	1.160.804	1.160.804	9.865.028	9.865.028	9.865.028	-

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT														Đơn vị tính: nghìn đồng
Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ LKC	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM			LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM			Rút tiền mặt
				Khoản Khấu trừ trong năm HĐ	GTTKHD	Giá trị Hoàn lại	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	GTTKHD	Giá trị Hoàn lại	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	GTTKHD	Giá trị Hoàn lại	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	16 năm	Tổng số phí đóng (dự kiến):	176.000.000 đồng
Tổng số lần rút tiền mặt (dự kiến):	-	Tổng số tiền mặt rút (dự kiến):	-
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất 8%):	9.865.028.000 đồng		
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất 6%):	1.160.804.000 đồng		

Ghi chú:

- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Các giả định ở mức lãi suất 8%, 6% chỉ có tính chất minh họa.
- QLBH Cơ bản là quyền lợi bảo hiểm chính của HĐBH và là QLBH khi NĐBH 1 từ vong. Trong trường hợp NĐBH 1 nhỏ hơn 4 tuổi, QLBH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi NĐBH được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.
- Lãi suất đảm bảo là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHD, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đảm bảo cam kết được áp dụng là 4%/năm trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên, 3%/năm trong năm 5 Năm hợp đồng tiếp theo và 2%/năm trong những Năm hợp đồng còn lại.

GIẢI THÍCH CÁC LOẠI CHI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

- **Phí ban đầu**

Khoản phí được khấu trừ từ Số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7+
% của Phí BH cơ bản	65,0%	25,0%	17,5%	10,0%	7,5%	5,0%	3,5%
% của phí đóng vượt quá Phí BH cơ bản	25,0%	17,5%	10,0%	7,5%	5,0%	3,5%	3,5%
- **Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung**

Là khoản phí phân bổ từ số tiền thực đóng sau khi trừ đi Phí ban đầu và được nhập vào Quỹ LKC để đầu tư.
- **Khoản Khấu trừ hàng tháng**

Khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ (bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng).

Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NĐBH khi tham gia (các) QLBH. Phí quản lý hợp đồng là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực hợp đồng. Phí quản lý hợp đồng hiện tại là 25.000 đồng và có thể được điều chỉnh nhưng không quá 100.000 đồng.
- **Phí quản lý quỹ**

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ LKC. Phí quản lý quỹ hiện tại là 2%/năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận nhưng không quá 2,5% /năm.
- **Phí chấm dứt hợp đồng**

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản như sau:

Năm Hợp đồng	1 - 5	6	7	8	9	10+
% của Phí BH cơ bản	100%	80%	60%	40%	20%	0%
- **Phí chấm dứt QLBH Gia tăng**

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt QLBH Gia tăng, được tính bằng Tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản của QLBH Gia tăng tại thời điểm yêu cầu chấm dứt. Tỷ lệ phần trăm áp dụng tương tự như Phí chấm dứt hợp đồng.
- **Phí điều chỉnh tăng Mệnh giá BH/ bổ sung QLBH Gia tăng**

Là khoản phí để thực hiện các công việc cho việc điều chỉnh tăng MGBH hoặc bổ sung QLBH Gia tăng, được xác định cố định 500.000 đồng/lần và có thể được điều chỉnh nhưng không quá 1.000.000 đồng/lần.
- **Giá trị Hoàn lại**

Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt HĐBH. Giá trị Hoàn lại được xác định là GTTKHĐ trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, các Khoản tạm ứng và Phí tạm ứng (nếu có).

Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, cũng như đã được Đại diện Kinh doanh ký tên dưới đây tư vấn.

- ✓ Hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Toàn diện 2013 - Lựa chọn A cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Nhận thức rõ Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Toàn diện 2013 - Lựa chọn A.
- ✓ Ý thức rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Hợp đồng Bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng "0" đồng.
- ✓ Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay Đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

Bên mua Bảo hiểm

(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.

NGUYỄN THỊ NGUYỆT

0115369

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm